

TKELOG TMS
GIẢI PHÁP VẬN HÀNH,
TỐI ƯU VẬN TẢI

Người trình bày: Phạm Văn Tiên

NỘI DUNG

- A. Hồ sơ công ty
- B. Kinh nghiệm dự án
- C. Giải pháp TKELog TMS
- D. Hạ tầng, Tích hợp, SLA

A. HỒ SƠ CÔNG TY



GIỚI THIỆU TKSOLUTION

TKSolution được thành lập vào năm 2010. Mục đích cung cấp giải pháp số hóa toàn diện các hoạt động Logistics tại các doanh nghiệp tại Việt Nam. Sản phẩm cốt lõi gồm TKELog WMS và TKELog TMS.



TẦM NHÌN

Số hóa ngành Logistics Việt Nam.



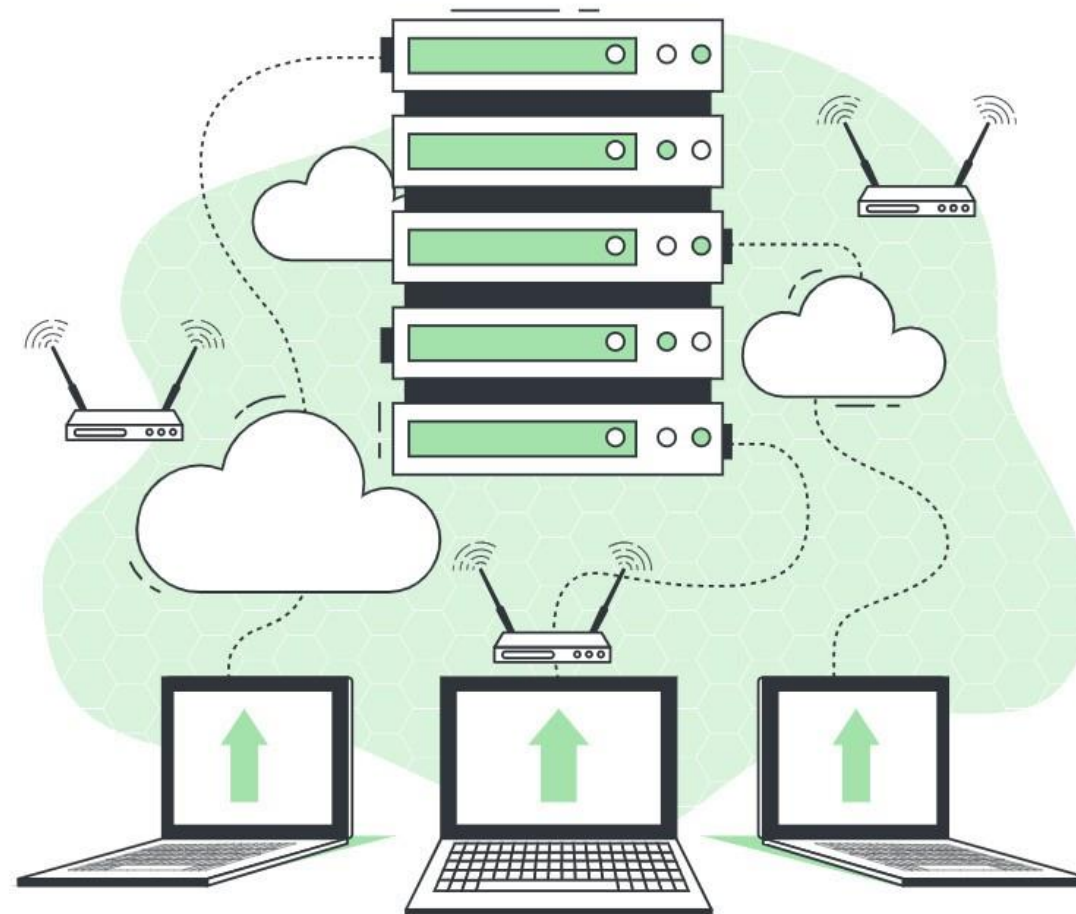
SỨ MỆNH

Nâng cao năng lực ngành Logistics Việt Nam.



KHÁC BIỆT

TKSolution là doanh nghiệp hoạt động lâu năm trong lĩnh vực số hóa các hoạt động Logistics, thấu hiểu khách hàng sâu sắc. Với hệ thống tùy biến linh hoạt và phù hợp mọi quy mô.



GIỚI THIỆU TKSOLUTION

Công Ty TNHH Giải Pháp Tiên Khanh (TKSolution) được thành lập vào năm 2010, cung cấp giải pháp số hóa toàn diện các hoạt động Logistics trong doanh nghiệp 3PL, Phân phối, tập đoàn.

108

Khách hàng hiện tại đang sử dụng TKELog để vận hành nghiệp vụ hàng ngày.

4.6M

Diện tích kho hàng, DC đang vận hành trên TKELog

900k

Đơn hàng đang xử lý hàng ngày bởi TKELog

800+

Phương tiện vận chuyển (Xe, tàu,...) nhân viên giao hàng đang sử dụng TKELog để giao nhận.

14

Năm kinh nghiệm trong giải pháp công nghệ về Logistics

30+ 3

3 Văn phòng triển khai tại 3 miền.
Với 22 cán bộ lập trình và triển khai.

KHÁCH HÀNG : 3PL



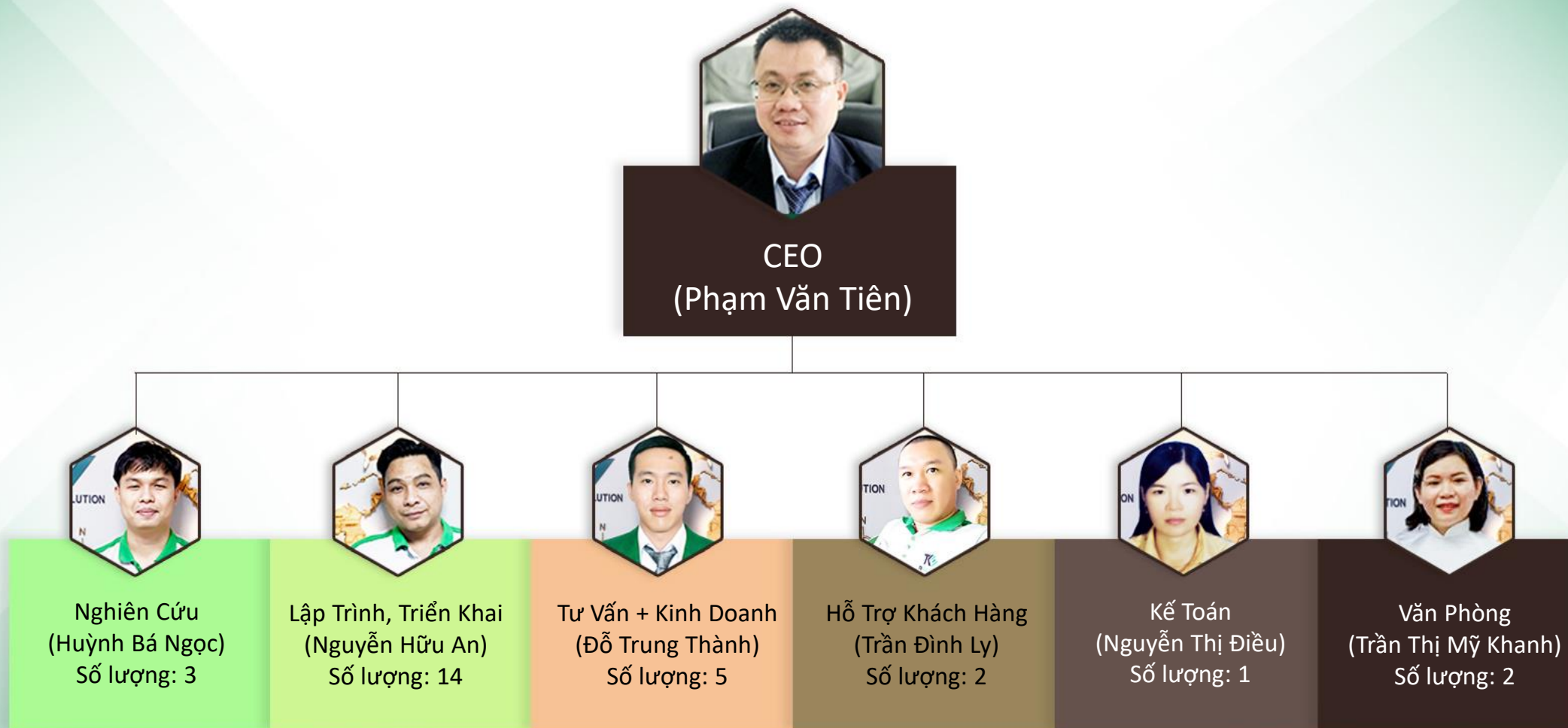
KHÁCH HÀNG : CHỦ HÀNG, DC PHÂN PHỐI



3. GIẢI THƯỞNG



4. SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



5. CLIP PHÓNG SỰ TKSOLUTION





C. GIẢI PHÁP TKELOG TMS

MỤC TIÊU GIẢI PHÁP



Cung cấp KPI, Master Report phục vụ quản trị, vận hành hoạt động giao nhận.



Số hóa quy trình, Giảm thời gian giao tiếp thủ công giữa các bên, lưu giữ hình ảnh bằng chứng.



Quản lý nhà thầu vận tải (Vendor)



Quản lý chi phí vận tải.



Tối ưu hóa tuyến đường giao hàng.



Track & Trace

C1. REPORT, KPI

KPI REPORT

TKELog TMS cung cấp một bộ công cụ báo cáo KPI, Report đầy đủ, hiệu quả

KPI

- OTIF KPI.
- Vendor KPI
- Tài xế KPI

Dashboard

- Assignment Monitoring.
- Đơn hàng.
- Overall Monitoring
- Warehouse Utilization

Master Report

- Bảng so sánh.
- Bảng phân tích chi phí.

Transaction

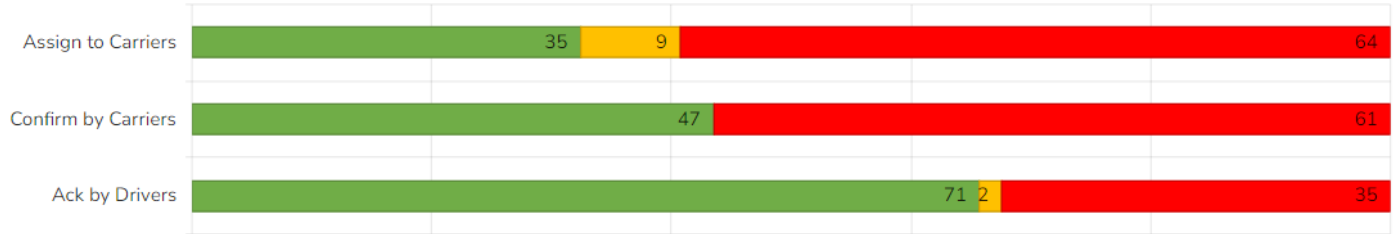
- Nhật ký hành trình.
- POD.

1. TRUCK ASSIGNMENT MONITORING

LXP Transportation - Truck Assignment Monitoring

Load date:

Overall Transportation (No.)



108

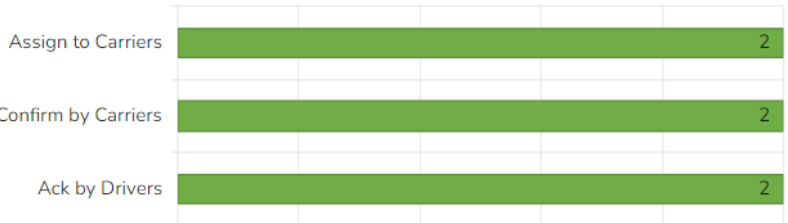
Total plan DO for
Assignment next day

108
Assign to Carriers

108
Confirm by Carriers

108
Ack by Drivers

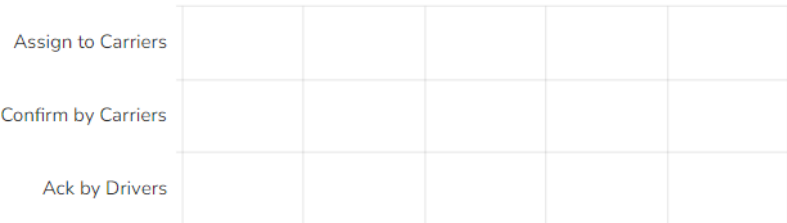
DOMESTIC SOUTH (No.)



2

Total Plan
DO for
Assignment

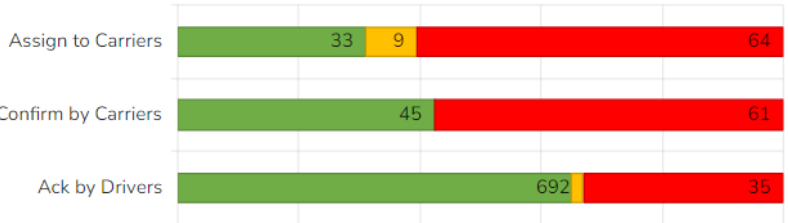
DOMESTIC NORTH (No.)



0

Total Plan
DO for
Assignment

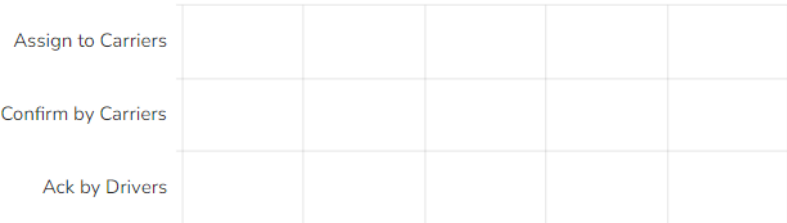
EXPORT (No.)



106

Total Plan
DO for
Assignment

TRANSFER TO NORTH (No.)

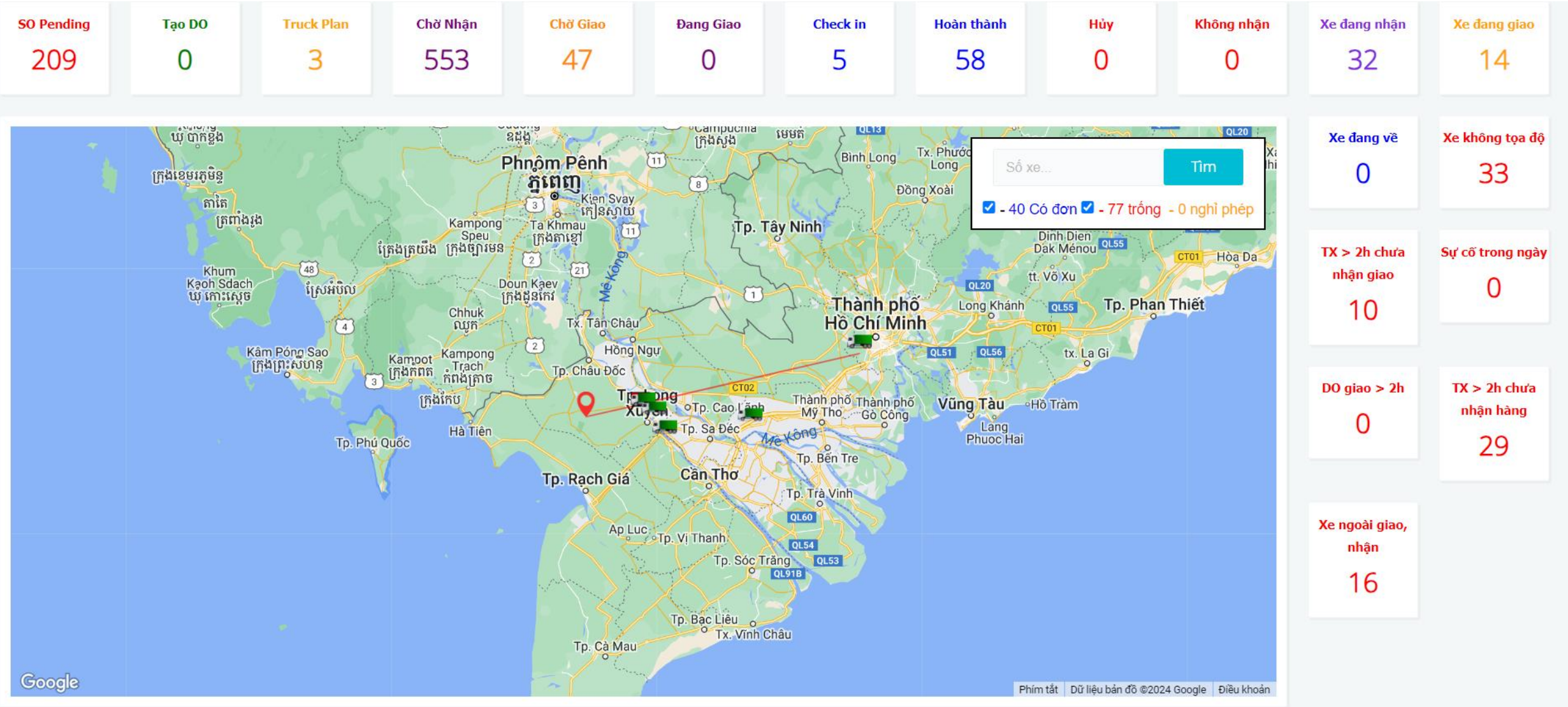


0

Total Plan
DO for
Assignment



2. DASHBOARD TRẠNG THÁI ĐƠN HÀNG



3. OVERRRAL MONITORING DASHBOARD

OVERALL MONITORING DASHBOARD

Warehouse: All

Model: All

Load date: 12/04/2024

Total DO/FO - Sale

25

Total DO/FO - Transfer

30

Side Loading

Available 15

In use 2

Dock Loading

Available 33

In use 3

Dispatch Monitoring

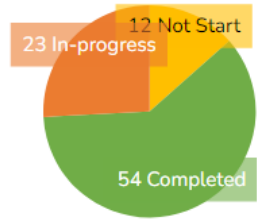
DO NO	Status	Truck Information				Before Loading					Loading Time			
		Type	Qty	FO	Truck No	WH	Dock	MOT	Weight in	Picking	Loading	Lashing	Weight out	Total Time
1400000001	Completed	FG-Self Pickup WH12 Domestic	30	610000001	72A66735	WH1	S101	Z109	2	25	33	30	2	55
1400000001	Completed	FG-Self Pickup WH12 Domestic	30	610000001	72A66735	WH1	S101	Z109	2	25	33	30	2	55

Transfer Monitoring

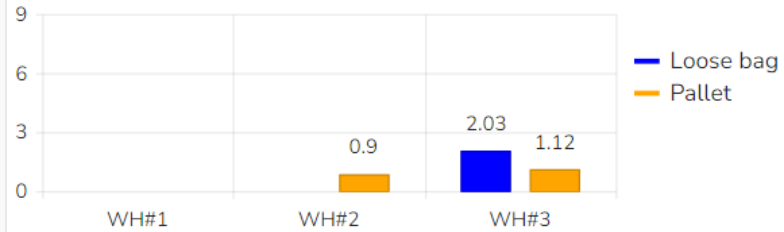
DO NO	Status	Truck Information				Before Loading WH1,2					Loading Time WH1,2				Unloading at WH3				
		Type	Qty	FO	Truck No	WH	Dock	MOT	Weight In	Picking	Loading	Lashing	Weight Out	Total Time	Delivery	Weight In	Unloading	Weight Out	Total Time
1400000001	Completed	FG-Self Pickup WH12 Domestic	30	610000001	72A66735	WH1	S101	Z109	2	25	33	30	2	55	2	2	2	2	2

4. MONITORING DOCK UTILIZATION

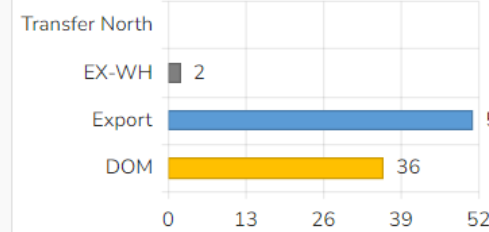
89 Total no of Delivery Order



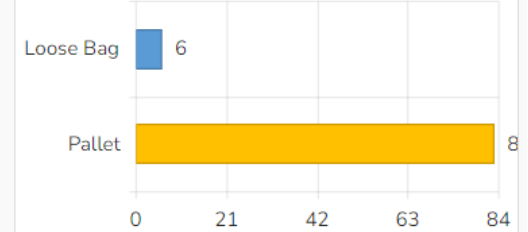
Average Performance (Time for Loading) (Hours)



Delivery Mode (No.)



Shipping Type (No.)

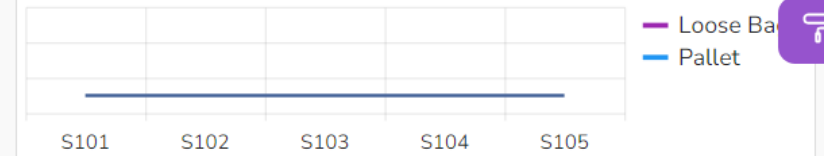


WH 1

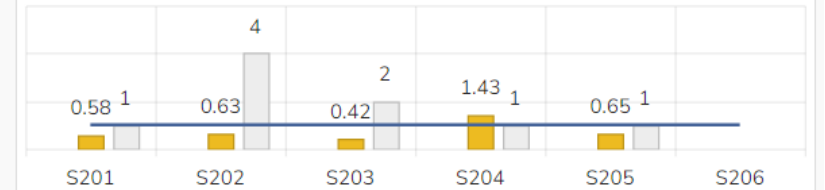
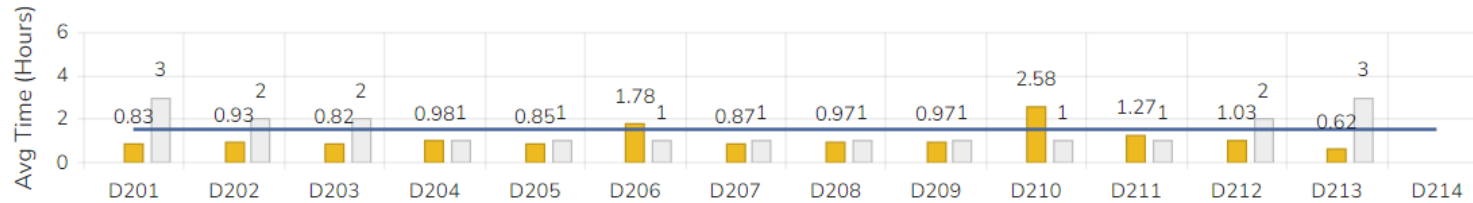
Dock Utilization (KPI: 1.5 hours / shipment)



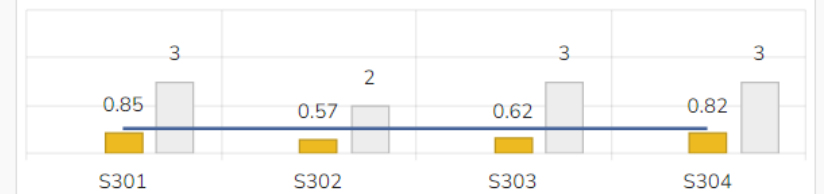
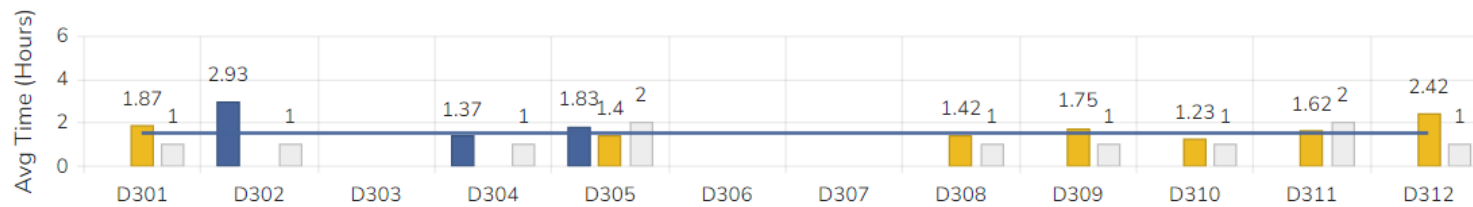
Side truck loading Utilization (KPI: 1 hour / shipment)



WH 2



WH 3



5. OTIF KPI REPORT

- Đo tỉ lệ giao hàng đúng hạn theo ngày

Daily KPIs - August 2015 - DaNang and Quang Nam

Last update 31 August 2015

Daily Report	Target	Achieved	02-Aug	03-Aug	04-Aug
1. OTIF AT DELIVERIES ADDRESS REPORT					
Number of order		1,109	0	49	47
Number of order Failed		3		1	-
Percentage of OTIF	99%	99.8%		97.96%	100.00%
YTD percentage of OTIF	99%				

OTIF AT DELIVERIES ADDRESS REPORT

Month

Report date

No	Date	Distributor Name	SO numbers	SO date	Delivered date (Ngày giao hàng)	Pending orders date	Percentage of OTIF (Tỷ lệ phần trăm OTIF)	YTD percentage of OTIF	Remarks
990	28-Aug-15		15251245	28-Aug-15	29-Aug-15				
991	28-Aug-15		15241242	28-Aug-15	29-Aug-15				
992	28-Aug-15		15251314	28-Aug-15	29-Aug-15				
993	28-Aug-15		15250487	28-Aug-15	29-Aug-15				
994	28-Aug-15		15251384	28-Aug-15	29-Aug-15				
995	28-Aug-15		15251159	28-Aug-15	29-Aug-15				
996	28-Aug-15		15251325	28-Aug-15	29-Aug-15				
997	28-Aug-15		15250771	28-Aug-15	29-Aug-15				
998	28-Aug-15		15250779	28-Aug-15	29-Aug-15				
999	28-Aug-15		15251133	28-Aug-15	29-Aug-15				
1000	28-Aug-15		15251308	28-Aug-15	29-Aug-15				
1001	28-Aug-15		15251295	28-Aug-15	29-Aug-15				

6. TRUCK AVAILABILITY

- Theo dõi sự cam kết về xe theo ngày của nhà thầu.

Daily Report	Target	Achieved	02-Aug	03-Aug	04-Aug	05-Aug	06-Aug
2. TRUCK AVAILABILITY							
Number of order		1,109	0	49	47	52	53
Number of truck required		705	1	30	25	23	30
Number of truck to fulfill order		702	1	29	25	23	30
Number of trucks shortage		3		1	0	0	0
Percentage of truck availability	99%	99.61%		96.67%	100.00%	100.00%	100.00%
YTD percentage of trucks availability	99%	98.87%	97.44%	97.10%	97.87%	98.29%	98.64%

TRUCKS AVAILABILITY REPORT

Month

Report date

Date	Number of orders (số lượng đơn hàng)	Number of trucks required (Số lượng xe tải yêu cầu)	Number of trucks to fulfill orders (Số lượng xe tải đáp ứng đơn hàng)	Number of trucks shortage (Số lượng xe tải thiếu)	Percentage of trucks availability (Tỷ lệ phần trăm xe tải có sẵn)	YTD percentage of trucks availability	Remarks
1-Aug-15	44	38	37	1	97.37%	97.37%	Thiếu 1 xe ở QN
2-Aug-15		1	1		100.00%	97.44%	Đơn hàng pending ở VBL QN
3-Aug-15	49	30	29	10	96.67%	97.10%	Đơn hàng ở VBL QN
4-Aug-15	47	25	25	0	100.00%	97.87%	
5-Aug-15	52	23	23	0	100.00%	98.29%	
6-Aug-15	53	30	30	0	100.00%	98.64%	
7-Aug-15	47	24	23	1	95.83%	98.25%	Đơn hàng ở VBL QN
8-Aug-15	34	26	26	0	100.00%	98.48%	
10-Aug-15	42	22	22	0	100.00%	98.63%	
11-Aug-15	63	37	37	0	100.00%	98.83%	
12-Aug-15	48	29	29	0	100.00%	98.95%	
13-Aug-15	41	27	27	0	100.00%	99.04%	

7. QUALITY COMOMITY REPORT

- Bảng KPI về mức độ hài lòng số lượng giao hàng chính xác của khách hàng.

Daily Report	Target	Achieved	02-Aug	03-Aug	04-Aug	05-Aug	06-Aug
4. QUALITY COMFORMITY REPORT							
Percentage of orders non-conformity	100%	0%		0%	0%	0%	0%
YTD percentage of orders non-conformity	100%	0%		0%	0%	0%	0%

QUALITY COMFORMITY REPORT						
Month						
Report date						
Date	SO numbers	SO date	Description of Quality non-conpromity	Percentage of orders non-conformity (Tỉ lệ phần trăm các đơn hàng không phù hợp)	YTD precentage of orders non-conformity	Remarks
1-Aug-15	44	1-Aug-15	0	0.0%	0.0%	
3-Aug-15	49	3-Aug-15	0	0.0%	0.0%	
4-Aug-15	47	4-Aug-15	0	0.0%	0.0%	
5-Aug-15	52	5-Aug-15	0	0.0%	0.0%	
6-Aug-15	53	6-Aug-15	0	0.0%	0.0%	
7-Aug-15	47	7-Aug-15	0	0.0%	0.0%	
8-Aug-15	34	8-Aug-15	0	0.0%	0.0%	
10-Aug-15	42	10-Aug-15	0	0.0%	0.0%	
11-Aug-15	63	11-Aug-15	0	0.0%	0.0%	
12-Aug-15	48	12-Aug-15	0	0.0%	0.0%	
13-Aug-15	41	13-Aug-15	0	0.0%	0.0%	
14-Aug-15	48	14-Aug-15	0	0.0%	0.0%	
15-Aug-15	13	15-Aug-15	0	0.0%	0.0%	
17-Aug-15	36	17-Aug-15	0	0.0%	0.0%	
18-Aug-15	33	18-Aug-15	0	0.0%	0.0%	

8. DELIVERIES TO NON-INSTRUCTED ADDRESS DELIVERIES REPORT

- Bảng KPI tỷ lệ địa chỉ giao hàng chính xác phản hồi từ tài xế.

Daily Report	Target	Achieved	02-Aug	03-Aug	04-Aug	05-Aug
5. DELIVERIES TO NON-INSTRUCTED ADDRESS DELIVERIES REPORT						
Percentage of orders of non-instructed address deliveries	100%	0%		0%	0%	0%
YTD -Percentage of orders of non-instructed address deliveries	100%	0%		0%	0%	0%

DELIVERIES TO NON-INSTRUCTED ADDRESS DELIVERIES REPORT						
Month						
Report date						
Date	SO numbers	SO date	Description of non-instructed address	Percentage of orders of non-instructed address deliveries (Tỷ lệ phần trăm đơn hàng giao không đúng địa chỉ)	YTD -Percentage of orders of non-instructed address deliveries	Remarks
1-Aug-15	44	1-Aug-15	0	0.0%	0.0%	
3-Aug-15	49	3-Aug-15	0	0.0%	0.0%	
4-Aug-15	47	4-Aug-15	0	0.0%	0.0%	
5-Aug-15	52	5-Aug-15	0	0.0%	0.0%	
6-Aug-15	53	6-Aug-15	0	0.0%	0.0%	
7-Aug-15	47	7-Aug-15	0	0.0%	0.0%	
8-Aug-15	35	8-Aug-15	0	0.0%	0.0%	
10-Aug-15	42	10-Aug-15	0	0.0%	0.0%	
11-Aug-15	63	11-Aug-15	0	0.0%	0.0%	
12-Aug-15	48	12-Aug-15	0	0.0%	0.0%	
13-Aug-15	41	13-Aug-15	0	0.0%	0.0%	
14-Aug-15	48	14-Aug-15	0	0.0%	0.0%	

9. CUSTOMER FEEDBACK ON DRIVERS REPORT

- Bảng KPI tỷ lệ hài lòng của khách hàng đối với việc giao hàng của tài xế.

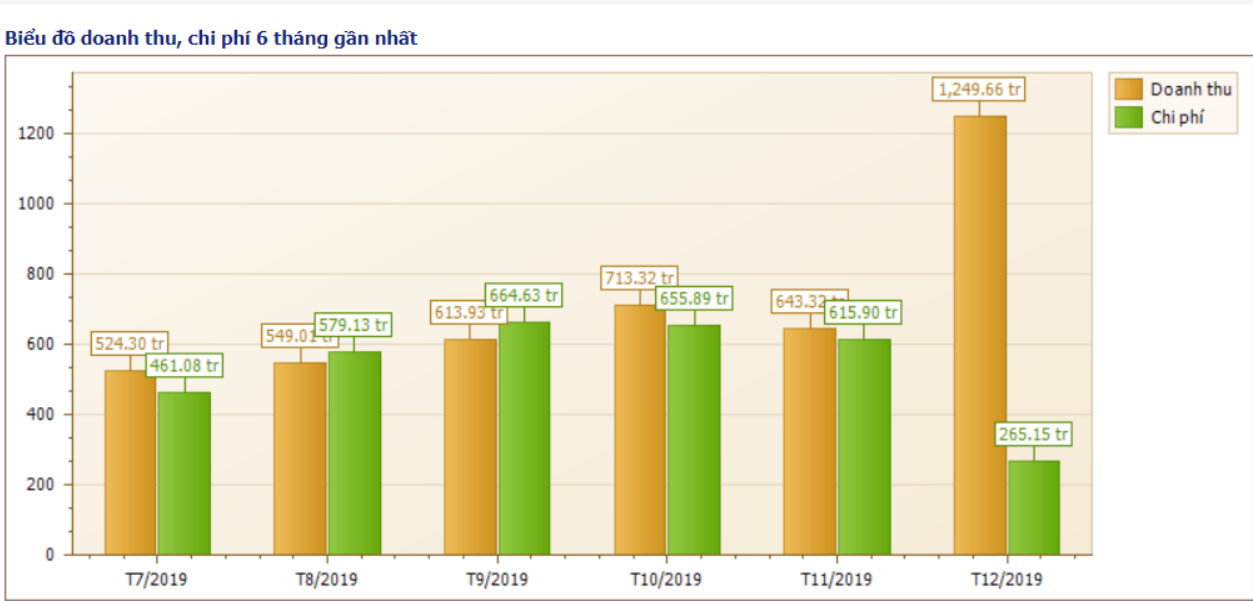
Daily Report	Target	Achieved	02-Aug	03-Aug	04-Aug	05-Aug
6. CUSTOMER FEEDBACK ON DRIVERS REPORT						
Percentage of orders of non-compliance of drivers	99%	0%		0%	0%	0%
YTD-Percentage of orders of non-compliance of drivers	99%	0%		0%	0%	0%

CUSTOMER FEEDBACK ON DRIVERS REPORT						
Month						
Report date						
Date	SO numbers	SO date	Description of customers feedback on non-compliance of drivers	Percentage of orders of non-compliance of drivers	YTD-Percentage of orders of non-compliance of drivers	Remarks
1-Aug-15	44	1-Aug-15	0	0.0%	0.0%	
3-Aug-15	49	3-Aug-15	0	0.0%	0.0%	
4-Aug-15	47	4-Aug-15	0	0.0%	0.0%	
5-Aug-15	52	5-Aug-15	0	0.0%	0.0%	Có 1 khách hàng Q
6-Aug-15	53	6-Aug-15	0	0.0%	0.0%	
7-Aug-15	47	7-Aug-15	0	0.0%	0.0%	
8-Aug-15	34	8-Aug-15	0	0.0%	0.0%	
10-Aug-15	42	10-Aug-15	0	0.0%	0.0%	
11-Aug-15	63	11-Aug-15	0	0.0%	0.0%	
12-Aug-15	48	12-Aug-15	0	0.0%	0.0%	
13-Aug-15	41	13-Aug-15	0	0.0%	0.0%	
14-Aug-15	48	14-Aug-15	0	0.0%	0.0%	
15-Aug-15	13	15-Aug-15	0	0.0%	0.0%	
17-Aug-15	36	17-Aug-15	0	0.0%	0.0%	

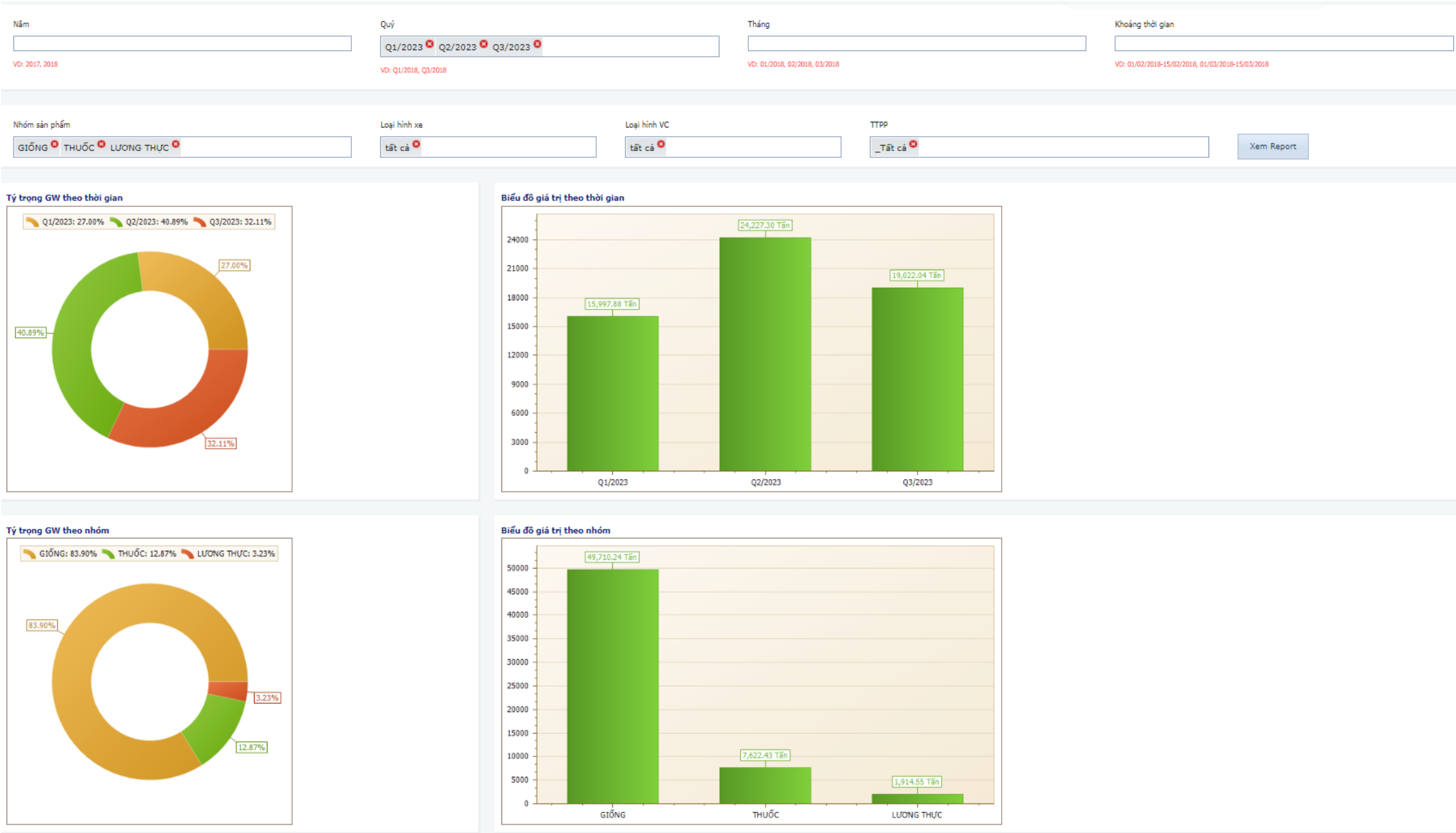
10. BẢNG PHÂN TÍCH CHI PHÍ VẬN TẢI

- Bảng phân tích chi phí vận tải.

Tổng Quan	
1. Doanh thu	1,249,659,323
2. Chi phí (2.1) + (2.2) + (2.3)	265,154,208
2.1 Chi phí NCC	227,804,595
2.2 Chi phí đội xe	0
Chi phí hành trình	0
Chi phí lương khoán/ chuyển	0
Chi phí xăng dầu	0
Chi phí lương cứng	0
Chi phí bảo dưỡng xe	0
2.3 Chi phí quản lý	37,349,613
Chi phí văn phòng	1,349,613
Chi phí khấu hao xe, tài sản	16,000,000
Chi phí lãi vay ngân hàng, bảo hiểm	20,000,000
3. Lãi gộp (1) - (2)	984,505,115



11 BẢNG SO SÁCH SẢN LƯỢNG CÙNG KỲ



C2. SỐ HÓA QUY TRÌNH



SỐ HÓA QUY TRÌNH



Hỗ trợ định tuyến, xử lý hơn 5 loại hình đơn hàng phổ biến, Mỗi loại sẽ có 1 to be process cụ thể.



Tự động chia đơn cho vendor, đội xe theo tỉ lệ cam kết đã khai báo.



Mobile app cho driver cho thao tác nhận, giao, check in, chụp hình bằng chứng giao hàng, COD.



Kết nối với các hệ thống DMS, ERP để lấy SO và tự chia DO theo quy tắc, Rút ngắn thời gian xử lý đơn hàng.



Khai báo, quản lý đơn hàng đa phương thức.



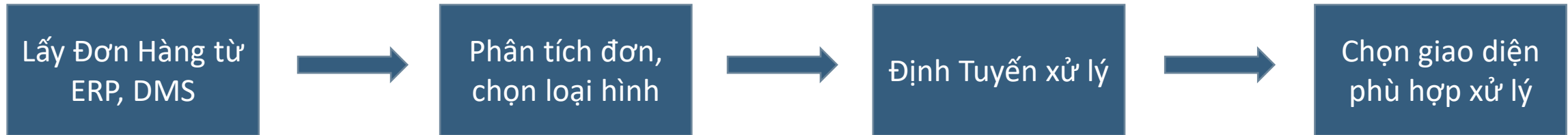
Giảm sai sót về COD, Công nợ.



Quản lý đội xe.

1. ĐỊNH TUYẾN, XỬ LÝ ĐƠN HÀNG

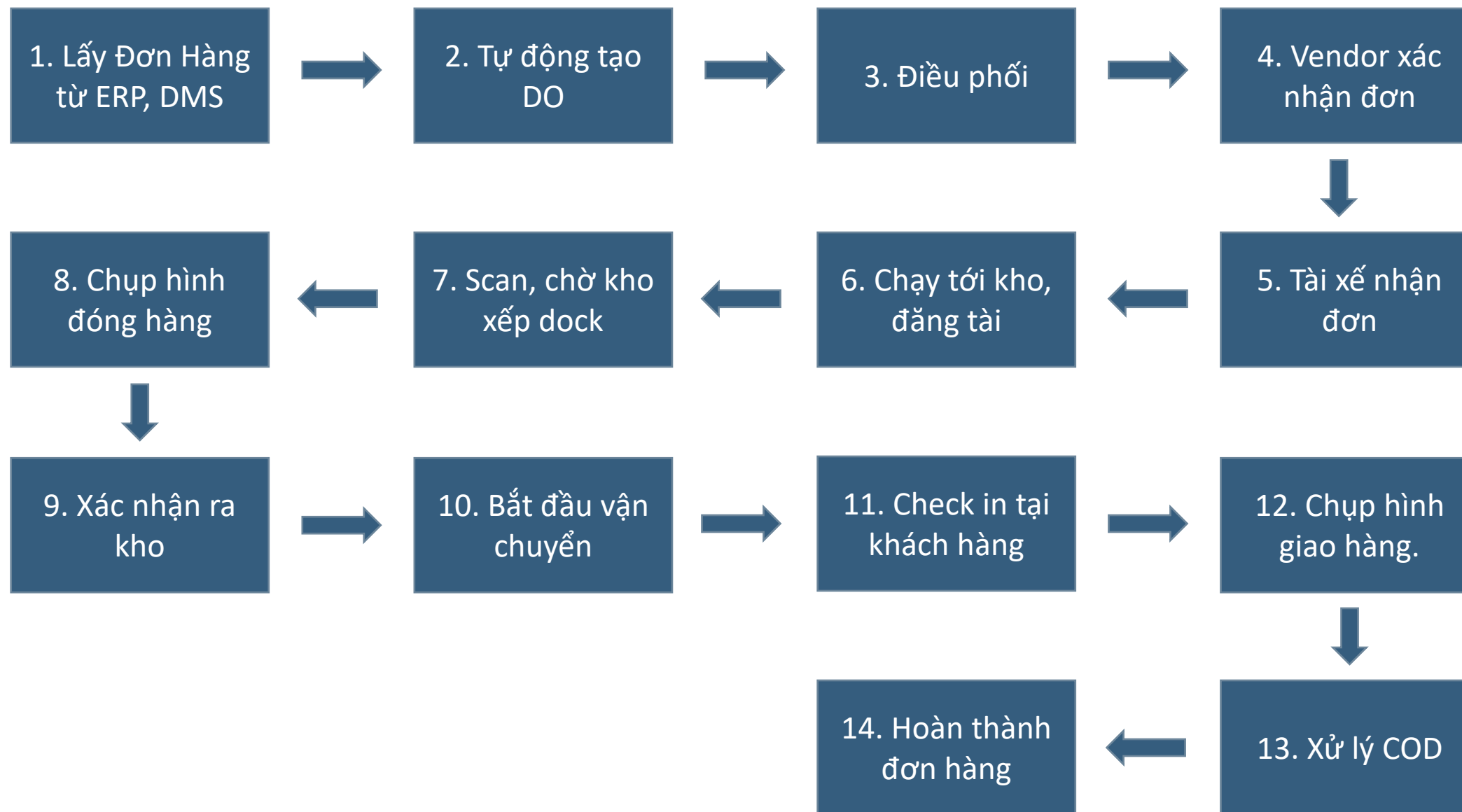
- Quy trình



- Các loại hình đơn hàng TKELog TMS hỗ trợ sẵn

- Giao hàng trực tiếp đến khách hàng (D2C)
- Đơn hàng xuất khẩu (Export)
- Đơn chuyển kho
- Đơn hàng khách hàng tự tới kho lấy (Self-Pickup)
- Đơn hàng đa phương thức: Xe, tàu, máy bay,...

- Mô phỏng mô hình giao trực tiếp đến khách hàng (D2C)



Shipment Management (3001)

Search

Advance Filter

+

 Add New

Export

	SO / POSTO	Req DL Date	Pick Up	Ship To	MOT Code	Qty	Order Type	ATP Status	Credit Status	Pending	Allocated	Notes
	1220000026	17/11/2022	Warehouse 1&2	THE SIAM FIBRE-CEMENT CO., LTD.	Z110	60	FG-SO Export	CATP	Passed	4	-	
	4600000067	16/11/2022	Warehouse 1&2	Warehouse 3 (FG)	Z109	30	POSTO WH12 to WH3			-	1	Created by Vinh TRO
	1200001380	15/11/2022	Warehouse 1&2	DUY TAN PLASTICS CORP	Z104	0.2	FG-SO WH123 to South	CATP	Passed	1	-	
	4600000025	11/11/2022	Production HD-WH2	Warehouse 3 (FG)	Z109	16.5	POSTO PRD to WH3			-	1	
	4600000024	11/11/2022	Production HD-WH2	Warehouse 3 (FG)	Z109	55	POSTO PRD to WH3			-	2	
	1200001379	09/11/2022	Warehouse 1&2	DUY TAN PLASTICS CORP	Z104	0.2	FG-SO WH123 to South	CATP	Passed	1	-	
	1200001378	09/11/2022	Warehouse 1&2	DUY TAN PLASTICS CORP	Z104	0.2	FG-SO WH123 to South	CATP	Passed	-	1	
	4600000018	08/11/2022	Production HD-WH2	Warehouse 3 (FG)	Z109	11	POSTO PRD to WH3			-	1	
	1200001370	08/11/2022	Warehouse 1&2	Hai Phong Port - Customer Self Pickup	Z202	27	FG-SO WH123 to Hai Phong Port	CATP	Passed	-	1	
	4600000017	08/11/2022	Production HD-WH2	Warehouse 3 (FG)	Z109	1.1	POSTO PRD to WH3			-	1	
	1200001371	08/11/2022	Warehouse 1&2	Hai Phong Port - Customer Self Pickup	Z201	19	FG-SO WH123 to Hai Phong Port	APPR	Passed	1	-	
	1200001377	07/11/2022	Warehouse 1&2	Hai Phong Port - Customer Self Pickup	Z201	15	FG-SO WH123 to Hai Phong Port	CATP	Passed	-	1	
	1200001376	08/11/2022	Warehouse 1&2	Hai Phong Port - Customer Self Pickup		15	FG-Self Pickup WH123	APPR	Passed	-	-	
	1200001373	06/11/2022	Warehouse 1&2	DUY TAN LONG AN COMPANY LIMITED	Z111	1	FG-SO WH123 to South	CATP	Passed	1	-	

DO INFORMATION	SAP DATA	SAP DATA 2	SAP WEIGH INFORMATION	ACTION HISTORY	SAP FILES	DO STAGES	IMAGES
Information		Transportation		Booking		Owner	
DO No:	2400000206	Customer:	0000000101 CO., LTD	Booking no:	KMT5914964	Created:	27/10/2022 15:34
SAP DO No:	2400000206	Pickup:	Warehouse 1&2	Booking date:	25/10/2022	Created By:	System
SAP FU No:	4100000335	Ship To:	0000000101	Vessel:	KMTC SHANGHAI V.112N	Last Updated:	28/10/2022 15:14
SAP FO No:	6100000282	Carrier:	GLS	Closing Time:		Last Updated By:	System
REQ Delivery Date:	27/10/2022	Driver:	Nguyễn Văn Hùng (786105-004)	Cont no:	TCLU2363435	Notes:	
Pickup Empty Cont Date:	27/10/2022	Vehicle:	50LD 16275	Seal no:	KMT1253		
Loading Date:	28/10/2022	Port From:		ETA:	05/11/2022		
Start Delivery Date:	28/10/2022	Port To:		ATA:			
Est. Delivery at Destination:	27/10/2022	KPI.Delivery Date:	28/10/2022 00:00	ETD:	02/11/2022		
Type:	SO			ATD:			
Type Level 2:	FG-SO Export						
MOT Name:	40ftCont.Dom25.5-27T						
Item Code	Item Name				Batch No	Qty	Line Item
Z10L1210FNZ0025N	L1210F-N				20240912	24	10

2. TỰ ĐỘNG CHIA ĐƠN ĐỘI XE, VENDOR

1. Định nghĩa tỷ lệ đơn



2. Tự chia đơn cho vendor



3. Điều phối

☐		Carrier	Order Type Group	MOT Code	MOT Description	Truck Qty	Portion
☐	 	SME/ Export	Export	Z111	Haulage 40ftCont.	21.000	0.200
☐	 	Vina Logistics/ Export	Export	Z111	Haulage 40ftCont.	21.000	0.200
☐	 	Uni Global/ Export	Export	Z111	Haulage 40ftCont.	31.000	0.300
☐	 	GLS	Export	Z111	Haulage 40ftCont.	31.000	0.300
☐	 	GLS	S2N CWN	Z111	Haulage 40ftCont.	5.000	1.000
☐	 	HAIAN	S2N Direct	Z111	Haulage 40ftCont.	4.000	0.150
☐	 	GMD	S2N Direct	Z111	Haulage 40ftCont.	4.000	0.150

Start Delivery date:

28-02-2024

Number of DO: -

Number of FO: -

Confirm

9T: -

Carrier	Portion	Committed	Submitted	% Avail. Vs Cmt.	% Daily Plan	Auto Alloc. by LXP	% Daily Actual Alloc.	% MTD Actual Alloc.		
Bình Phương Logistics	30.00%	4.000	-	0.00%	0.00%	-	0.00%	0.00%		▲
VITRANIMEX	30.00%	4.000	-	0.00%	0.00%	-	0.00%	0.00%		
Long Phú	20.00%	3.000	-	0.00%	0.00%	-	0.00%	0.00%		
TSLINE	20.00%	3.000	-	0.00%	0.00%	-	0.00%	0.00%		▼

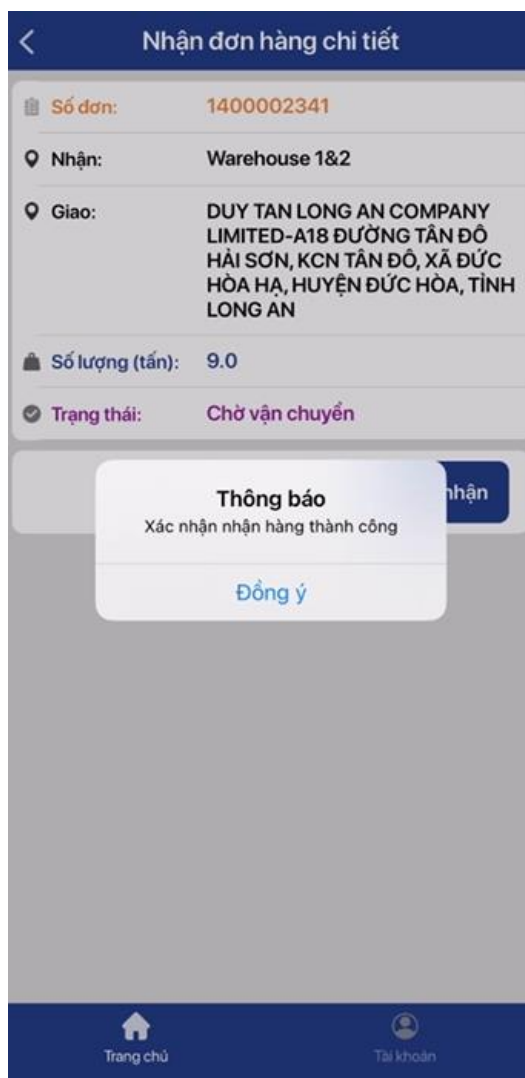
15T: -

Carrier	Portion	Committed	Submitted	% Avail. Vs Cmt.	% Daily Plan	Auto Alloc. by LXP	% Daily Actual Alloc.	% MTD Actual Alloc.		
Bình Phương Logistics	30.00%	5.000	-	0.00%	0.00%	-	0.00%	0.00%		▲
VITRANIMEX	30.00%	5.000	-	0.00%	0.00%	-	0.00%	0.00%		
Long Phú	20.00%	3.000	-	0.00%	0.00%	-	0.00%	0.00%		
TSLINE	20.00%	3.000	-	0.00%	0.00%	-	0.00%	0.00%		▼

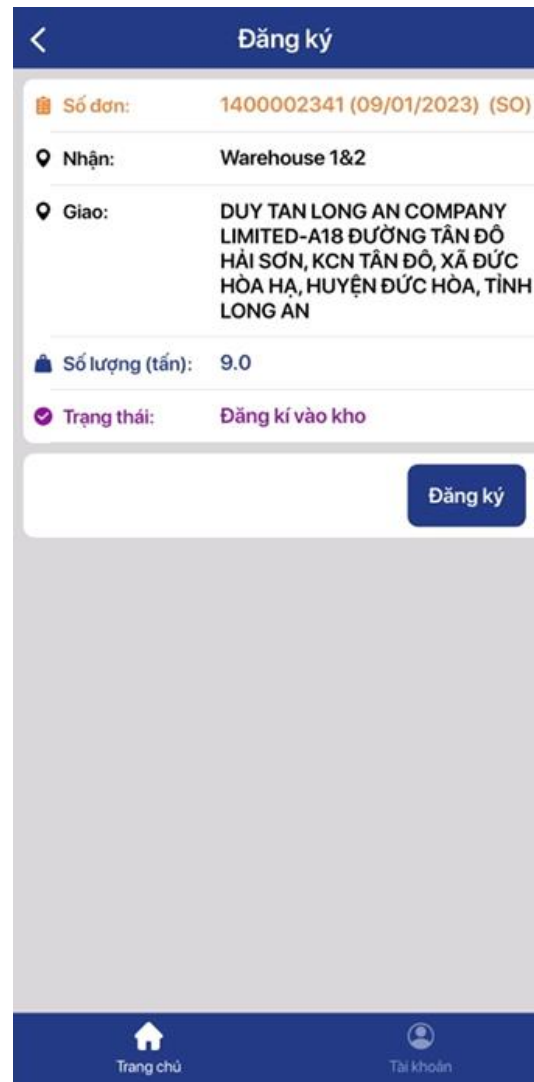
30T: -

Carrier	Portion	Committed	Submitted	% Avail. Vs Cmt.	% Daily Plan	Auto Alloc. by LXP	% Daily Actual Alloc.	% MTD Actual Alloc.		
Bình Phương Logistics	30.00%	10.000	-	0.00%	0.00%	-	0.00%	0.00%		▲
VITRANIMEX	30.00%	10.000	-	0.00%	0.00%	-	0.00%	0.00%		
Long Phú	20.00%	7.000	-	0.00%	0.00%	-	0.00%	0.00%		
TSLINE	20.00%	7.000	-	0.00%	0.00%	-	0.00%	0.00%		▼

3. MOBILE APP CHO TÀI XẾ, GIAO NHẬN



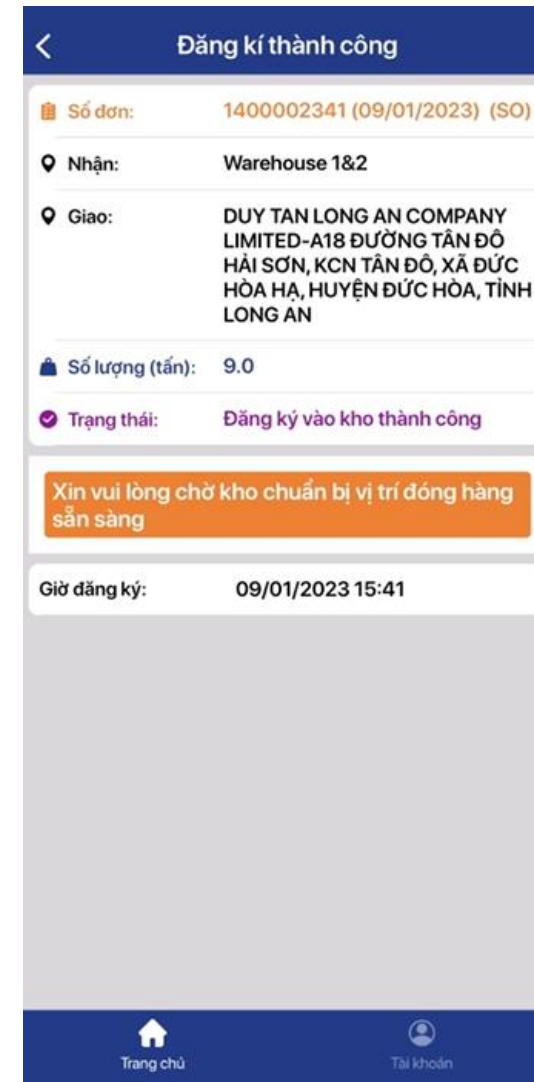
Tài xế nhận đơn



Đăng ký vào kho



Scan QRCode



Chờ xếp Tài

<

Đang đóng hàng

Chụp hình đóng hàng

Xác nhận

Giờ đăng ký:

09/01/2023 15:41

Giờ xác nhận tài:

Trạm cân:

WB2

Vị trí đóng hàng:

S205

Số kg cân vào:

0

Giờ cân vào:





Trang chủ



Tài khoản

Chụp hình đóng hàng

<

Chờ cân ra

Số đơn:

1400002341 (09/01/2023) (SO)

Nhận:

Warehouse 1&2

Giao:

DUY TAN LONG AN COMPANY LIMITED-A18 ĐƯỜNG TÂN ĐỒ HẢI SƠN, KCN TÂN ĐỒ, XÃ ĐỨC HÒA HẠ, HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

Số lượng (tấn):

9.0

Trạng thái:

Chờ cân ra





Trang chủ



Tài khoản

Scan QRCode ra kho

<

Đang vận chuyển

Số đơn:

1400002341 (09/01/2023) (SO)

Nhận:

Warehouse 1&2

Giao:

DUY TAN LONG AN COMPANY LIMITED-A18 ĐƯỜNG TÂN ĐỒ HẢI SƠN, KCN TÂN ĐỒ, XÃ ĐỨC HÒA HẠ, HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

Số lượng (tấn):

9.0

Trạng thái:

Đang vận chuyển

Nghỉ ngơi

Đăng ký giao hàng

Bản đồ chỉ đường

Đã nghỉ ngơi:

1 Phút



Trang chủ



Tài khoản

Vận chuyển

<

Đăng ký giao hàng

Số đơn:

1400002341 (09/01/2023) (SO)

Nhận:

Warehouse 1&2

Giao:

DUY TAN LONG AN COMPANY LIMITED-A18 ĐƯỜNG TÂN ĐỒ HẢI SƠN, KCN TÂN ĐỒ, XÃ ĐỨC HÒA HẠ, HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

Số lượng (tấn):

9.0

Trạng thái:

Đăng kí giao hàng



Chụp hình

Hoàn thành



Trang chủ



Tài khoản

Check in tại khách hàng

[illegible]

Ký eDP

<

Hoàn thành đơn hàng

Số đơn:

1400002341 (09/01/2023) (SO)

Nhận:

Warehouse 1&2

Giao:

DUY TAN LONG AN COMPANY LIMITED-A18 ĐƯỜNG TÂN ĐỒ HẢI SƠN, KCN TÂN ĐỒ, XÃ ĐỨC HÒA HẠ, HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

Số lượng (tấn):

9.0

Trạng thái:

Hoàn thành

Xin chúc mừng bạn đã hoàn thành đơn hàng.

Quay lại trang chủ

Giờ đăng ký:

09/01/2023 15:41

Giờ xác nhận tài:

Trạm cân:

WB2

Vị trí đóng hàng:

S205

Số kg cân vào:

10,000

Giờ cân vào:

01/01/1900 00:00

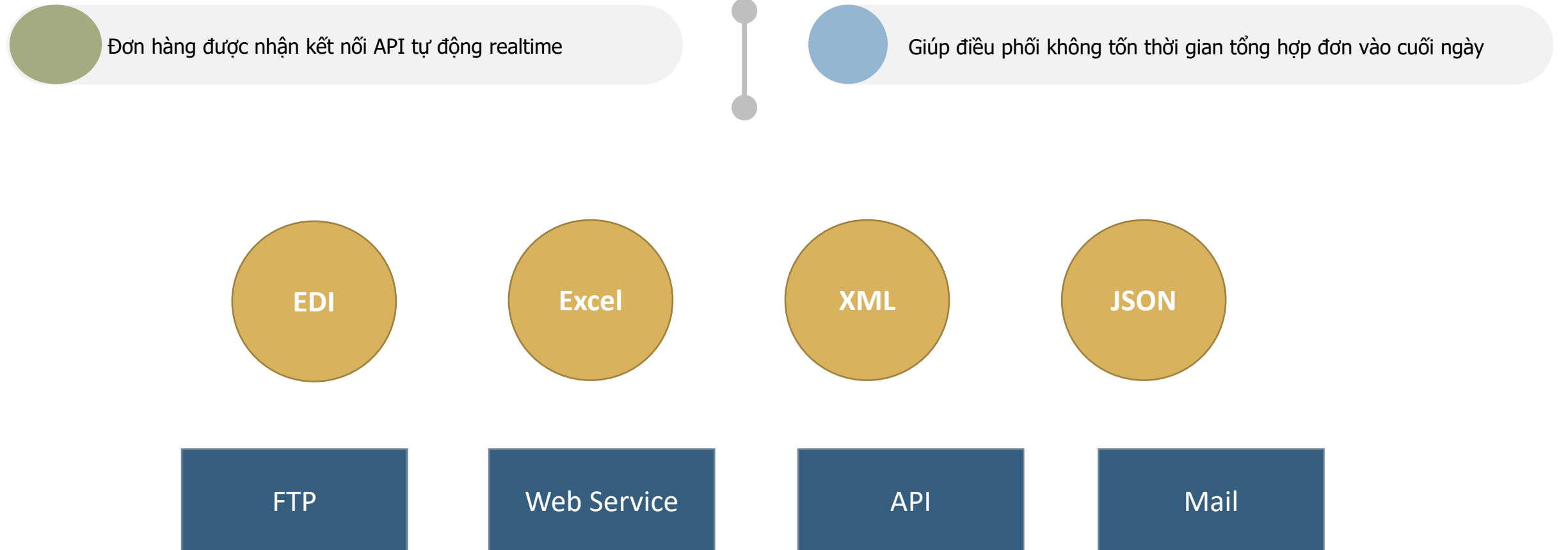
Giờ đóng hàng xong:

Trang chủ

Tài khoản

Hoàn thành đơn hàng

4. RÚT NGẮN THỜI GIAN XỬ LÝ ĐƠN



Đã kết nối: SAP, nRMS, Ninjadash, Haravan, FAST, Các Sàn TMĐT.

5. KHAI BÁO, QUẢN LÝ ĐƠN HÀNG ĐA PHƯƠNG THỨC

Delivery Stage Definition (2014)

Search

Advance Filter

☐		From	To	Stage 1	Stage 2	Stage 3	Stage 4
☐	 	Warehouse 1&2	North Container Warehouse	Cat Lai port (Truck)	Destination (Vessel)		
☐	 	Warehouse 3 (TG)	South	Destination (Truck)			
☐	 	Warehouse 3 (FG)	South	Destination (Truck)			
☐	 	Warehouse 3 (TG)	North Customer	Cai Mep port (Truck)	Hai Phong port (Vessel)	Destination (Truck)	
☐	 	Warehouse 3 (FG)	North Customer	Cai Mep port (Truck)	Hai Phong port (Vessel)	Destination (Truck)	
☐	 	Warehouse 1&2	South	Destination (Truck)			
☐	 	Warehouse 1&2	North Customer	Cat Lai port (Truck)	Hai Phong port (Vessel)	Destination (Truck)	

- DO INFORMATION
- SAP DATA
- SAP DATA 2
- SAP WEIGH INFORMATION
- ACTION HISTORY
- SAP FILES
- DO STAGES
- IMAGES
- DAMAGED HISTORY

Stage	Order No	DO Date	MOT	Carrier	Vehicle	Driver	Pick Up	Ship To	Booking No	Vessel Name	Qty	GW	Type	
1	1200001882	29/03/2024	10W-Box 15T				Warehouse 1&2				15	0	FG-SO WH123 to North	
2	1200001882	29/03/2024	10W-Box 15T					Hai Phong port			15	0	FG-SO WH123 to North	
3	1200001882	29/03/2024	10W-Box 15T				Hai Phong port	OSAWA VIET NAM CO., LTD			15	0	FG-SO WH123 to North	

6. GIẢM SAI SÓT VỀ COD, CÔNG NỢ

Số tiền COD, công nợ sẽ được lấy trực tiếp từ DMS, ERP qua API

NHVG thu tiền, xác nhận số tiền thu bằng apps giao hàng. Kế toán chỉ cần kiểm tra và xác nhận, giảm sai sót nhập liệu

Giảm sai sót nhập liệu 2 lần.

Kế toán biết trước những chứng từ thu trong ngày, để chuẩn bị giấy tờ tương ứng cho NVGH, giảm thời gian chờ đợi hai bên.

Số Tiền COD	Thực Thu	Còn Lại
158,040,001	1,400,000	156,640,001

Enter text to search...												
#	SỐ DO	Ngày DO	Số Đơn Hàng	Mã KH	Tên KH	Địa Chỉ Giao Hàng	Số Kiện	SL	Trị Giá COD	Thực Thu	Nhân Viên Giao Hàng	Ngày Giờ Hoàn Thành
	PXK111907/4699	08/09/2021 00:00				48, Hoa Sứ, Phường 7, Quận Phú Nhuận, TPHCM	-	15	750,000	750,000	Dương Minh Nhựt	
	PXK111907/4688	08/09/2021 00:00				58-60, Hoa Cúc, Phường 7, Quận Phú Nhuận, TPHCM	-	15	150,000		Dương Minh Nhựt	
	PXK111907/4724	08/09/2021 00:00				208, Nguyễn Hữu Cánh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TPHCM	25	25	200,000		Dương Minh Nhựt	

7. QUẢN LÝ ĐỘI XE



Hạn giấy phép xe (Đăng kiểm,...), Tài xế (GPLX,...)



Quản lý bảo trì, sửa chữa

Đăng kiểm xe

Tiêu Đề	SL
Đã hết hạn	28
Còn 10 ngày	-
Còn 20 ngày	-
Còn 30 ngày	-

Đăng kiểm mooc

Tiêu Đề	SL
Đã hết hạn	39
Còn 10 ngày	2
Còn 20 ngày	1
Còn 30 ngày	2

ID	Số phiếu	Xe	Nhãn hiệu	Ngày sửa	Chi phí	Nội dung
180347	BÌNH 22/02/04			17/02/2022	250	
180342	TÌNH 22/02/02	61C-20359	MAXX FORCE	17/02/2022	250	LẤY RAVENSEAL EMC
180341	ĐOÀI 22/02/04	61C-30719	MAXX FORCE	17/02/2022	250	LẤY ĐÚC CHÍNH 2 MSC
180340	HÙNG 22/02/05	61C-28103	MAXX FORCE	17/02/2022	250	LẤY NHẬP SUNG SHIN
180339	AN 22/02/06	61C46062	MAXFORCE	16/02/2022	250	
180338	PHONG 22/02/04	61C-29972	MAXX FORCE	16/02/2022	250	LẤY DT 1 MAE
180336	TIẾU 22/02/02			16/02/2022	200	LẤY HISDALE KHO 10 CÁI MÉP MSC
180334	THẢO 22/02/04	61C-28078	MAXX FORCE	16/02/2022	250	LẤY AMPACS EMC
180332	ĐÔNG 22/02/05	61C30438	MAXFORCE	16/02/2022	250	LẤY NHẬP SELIM

A close-up photograph of two hands shaking in a firm grip. The hand on the left is wearing a light blue suit jacket and a white shirt cuff. The hand on the right is wearing a dark blue sweater. The background is a bright, out-of-focus white.

C3. NHÀ THẦU VẬN TẢI

NHÀ THẦU VẬN TẢI



Carrier Portal: Theo dõi trạng thái đơn hàng



Các công cụ khai báo thông tin



Khai báo Truck Availability



Xác nhận đơn hàng

1. CARRIER PORTAL

Home (8000C)



Confirm truck plans

14

DO / Stage Staus



Planned

31



Warehouse Loading

2



Delivery

5



Customer Unloading

7



Today Complete

0



Hướng dẫn download apps

Bước 1: Click vào đây để qua trang download

Bước 2: Scan QRCode trên màn hình download tương ứng với từng hệ máy

Bước 3: Cài đặt vào điện thoại và bắt đầu sử dụng.

2. KHAI BÁO TRUCK AVAILABILITY

Truck Available Daily Confirmation (5001)

Search

Advance Filter

Clear Confirmed

Confirm Truck Available Daily

☐		Carrier	Allocation Type	MOT Code	MOT	Truck No	Driver	Confirm Date	Submit Date	Status	Confirm Status
		vitran									
☐	☐	VITRANIMEX	S2S	Z104	6W-Box 9T	29H-31488	Tăng Viết Tuyền	12/04/2024	10/04/2024	Available	Not Confirm
☐	☐	VITRANIMEX	S2S	Z104	6W-Box 9T	29H-31853	Trần Văn Thanh 1	12/04/2024	10/04/2024	Available	Not Confirm
☐	☐	VITRANIMEX	S2S	Z108	Trailer-SideCurt24-27T	29H-31854	Nguyễn An Ninh	12/04/2024	10/04/2024	Available	Not Confirm
☐	☐	VITRANIMEX	S2S	Z108	Trailer-SideCurt24-27T	29H-31855	Nguyễn An Ninh	12/04/2024	10/04/2024	Available	Not Confirm
☐	☐	VITRANIMEX	S2S	Z108	Trailer-SideCurt24-27T	29H-31856	Nguyễn An Ninh	12/04/2024	10/04/2024	Available	Not Confirm
☐	☐	VITRANIMEX	S2S	Z108	Trailer-SideCurt24-27T	29H-31857	Nguyễn Thành Dương	12/04/2024	10/04/2024	Available	Not Confirm
☐	☐	VITRANIMEX	S2S	Z108	Trailer-SideCurt24-27T	29H-31858	Nguyễn Thành Dương	12/04/2024	10/04/2024	Available	Not Confirm
☐	☐	VITRANIMEX	S2S	Z108	Trailer-SideCurt24-27T	29H-31859	Tăng Viết Tuyền	12/04/2024	10/04/2024	Available	Not Confirm
☐	☐	VITRANIMEX	S2S	Z108	Trailer-SideCurt24-27T	29H-31860	Trần Văn Thanh 1	12/04/2024	10/04/2024	Available	Not Confirm
☐	☐	VITRANIMEX	S2S	Z109	Trailer-SideCurt30T	29H-31861	Trần Văn Thanh 9	12/04/2024	10/04/2024	Available	Not Confirm
☐	☐	VITRANIMEX	S2S	Z104	6W-Box 9T	29H-41726	Nguyễn An Ninh	12/04/2024	10/04/2024	Available	Not Confirm
☐	☐	VITRANIMEX	S2S	Z104	6W-Box 9T	29H-41736	Trần Văn Thanh 1	12/04/2024	10/04/2024	Available	Not Confirm

3. XÁC NHẬN ĐƠN HÀNG

Driver, Truck Confirmation for Truck Plan (5002)

Search 											
☐	Stage	SO No	DO No	FO No	DO Date	MOT	Vehicle	Driver	Pick Up	Ship To	Qty
☐	1	1200001576	1400002634	6100002423	06/07/2023	10W-Canvas 15T	72H-12347	Cao Xuân Bút	Warehouse 1&2	BRANCH OF GENERAL II CO.,LTD	9.5
☐	1	1200001585	1400002671	6100002433	24/07/2023	Trailer-SideCurt30T	72A-00014	Cao Thanh Tú	Warehouse 1&2	MARUBENI VIETNAM CO., LTD.	0.05
☐	1	1200001585	1400002660	6100002433	24/07/2023	Trailer-SideCurt30T	72A-00014	Cao Thanh Tú	Warehouse 3 (TG)	MARUBENI VIETNAM CO., LTD.	15
☐	1	1200001665	1400002738	6100002456	04/08/2023	Haulage 40ftCont.	50H-07444	Nguyễn Văn Ngọc	Container North	0011001804	36
☐	1	1200001665	1400002739	6100002457	04/08/2023	Haulage 40ftCont.	50H-07420	Nguyễn Minh Hải	Container North	0011001804	9
☐	1	4600000244	1400002782	6100002481	13/10/2023	40 ft Cont Vessel	50LD-16243	Võ Văn Lanh	Warehouse 3 (FG)	Container North	27
☐	1	4600000244	1400002783	6100002482	13/10/2023	40 ft Cont Vessel	50LD-16243	Võ Văn Lanh	Warehouse 3 (FG)	Container North	27
☐	1	4600000244	1400002784	6100002483	13/10/2023	40 ft Cont Vessel	50LD-16243	Võ Văn Lanh	Warehouse 3 (FG)	Container North	27
☐	1	4600000244	1400002785	6100002484	13/10/2023	40 ft Cont Vessel	50LD-16243	Võ Văn Lanh	Warehouse 3 (FG)	Container North	27
☐	1	4600000244	1400002786	6100002485	13/10/2023	40 ft Cont Vessel	50LD-16243	Võ Văn Lanh	Warehouse 3 (FG)	Container North	27

4. KHAI BÁO BỔ SUNG THÔNG TIN GIAO NHẬN

Container No(*)

B

Seal No(*)

B

Tare(*)

1

Max Gross(*)

1

Save

Vehicle:

Vo Duc Tien (72A-98764)



Driver:

Bùi Duy Thịnh 017 (Scgl-Gls-017@lsp.com)



Save

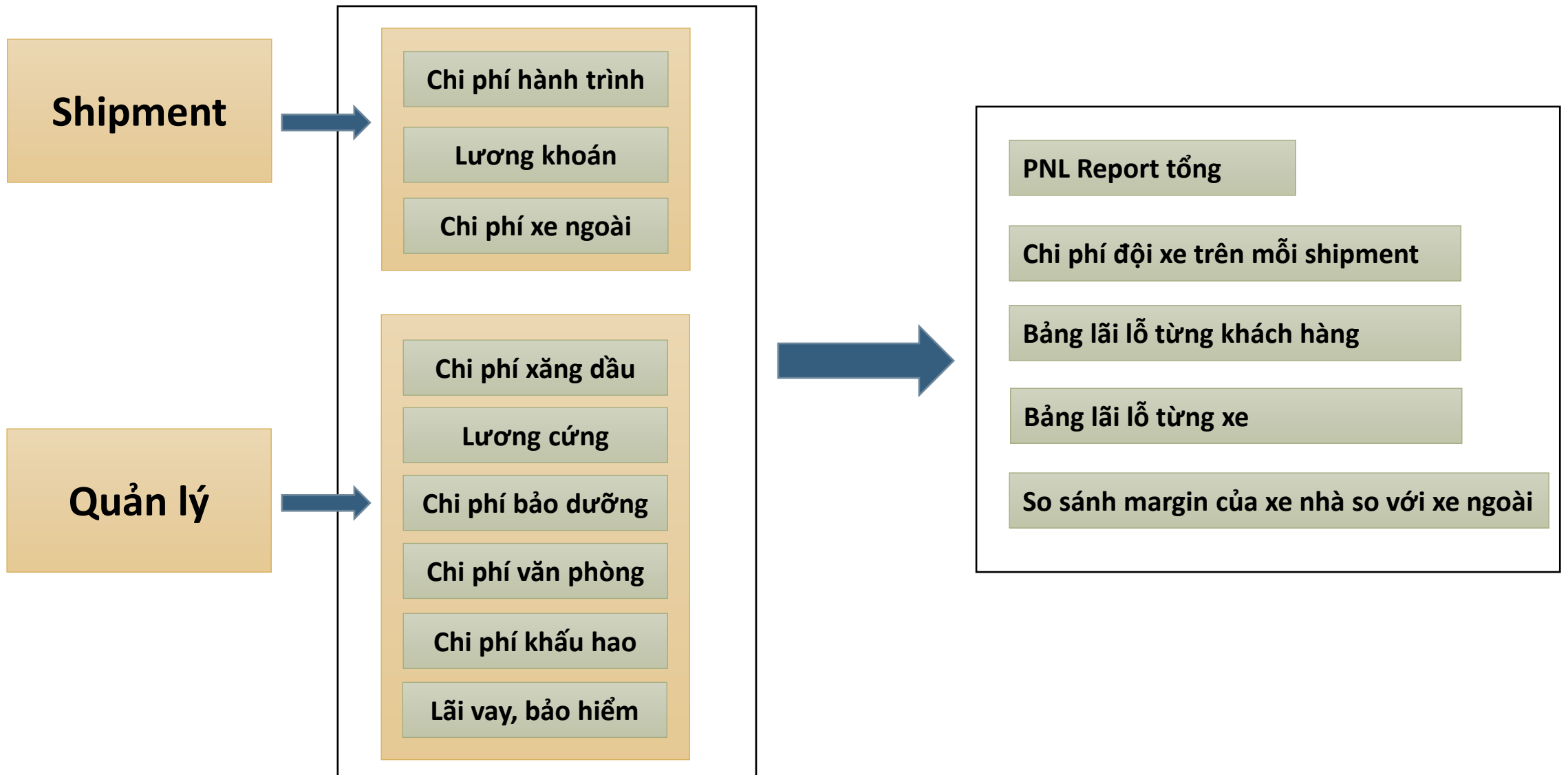
Carrier Note(*)

Save

C4. QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐỘI XE



1. CẤU TRÚC CHI PHÍ

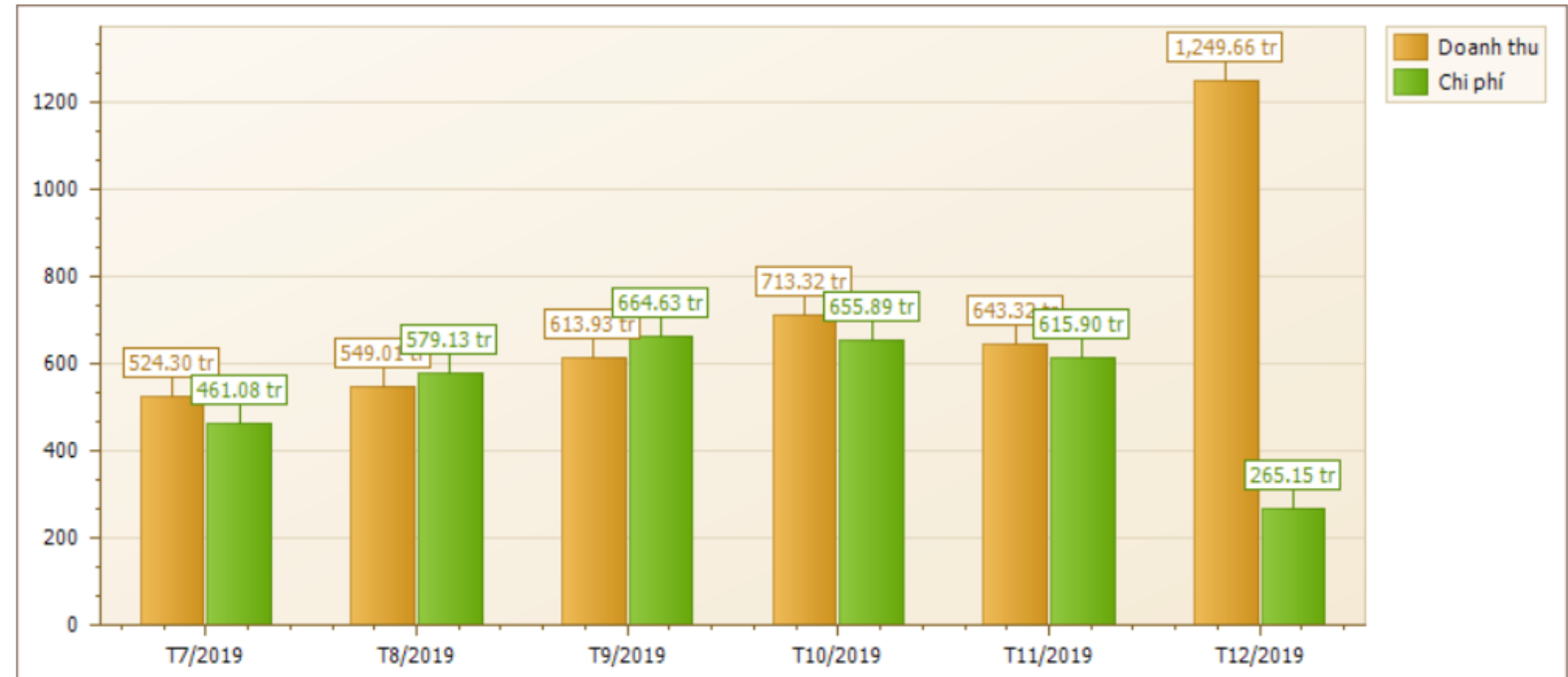


2. BẢNG PHÂN TÍCH CHI PHÍ, DOANH THU

Tổng Quan

1. Doanh thu	1,249,659,323
2. Chi phí (2.1) + (2.2) + (2.3)	265,154,208
2.1 Chi phí NCC	227,804,595
2.2 Chi phí đội xe	0
Chi phí hành trình	0
Chi phí lương khoán/ chuyển	0
Chi phí xăng dầu	0
Chi phí lương cứng	0
Chi phí bảo dưỡng xe	0
2.3 Chi phí quản lý	37,349,613
Chi phí văn phòng	1,349,613
Chi phí khấu hao xe, tài sản	16,000,000
Chi phí lãi vay ngân hàng, bảo hiểm	20,000,000
3. Lãi gộp (1) - (2)	984,505,115

Biểu đồ doanh thu, chi phí 6 tháng gần nhất



3. BẢNG PHÂN TÍCH LÃI LỖ TRÊN ĐƠN HÀNG, KHÁCH HÀNG

Lãi lỗ trên mỗi shipment đội xe chạy

1. Doanh thu	4,100,221
2. Chi phí	156,931
Chi phí hành trình	0
Chi phí lương khoán/ chuyển	0
Chi phí xăng dầu	0
Chi phí lương cứng	0
Chi phí bảo dưỡng xe	0
Chi phí văn phòng	5,671
Chi phí khấu hao xe, tài sản	67,227
Chi phí lãi vay ngân hàng, bảo hiểm	84,034
Lãi gộp (1) - (2)	3,943,289

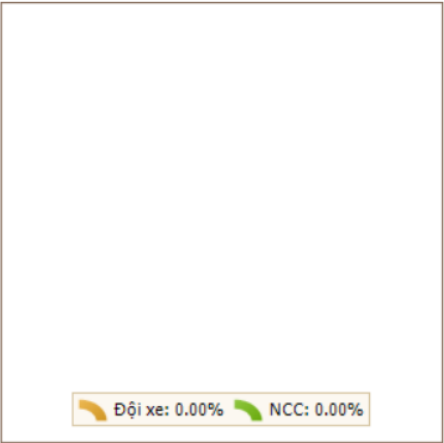
Lãi lỗ trên mỗi shipment NCC chạy

Doanh thu	8,297,176
Chi phí	6,903,170
Lãi gộp	1,394,007

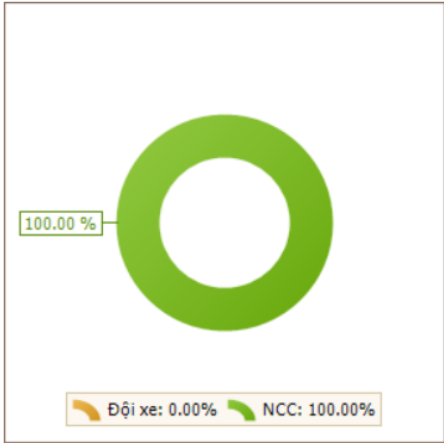
Bảng thống kê chia sẻ doanh thu

Khách hàng	Doanh thu đội xe	Chi phí đội xe	Lãi thuần đội xe	Doanh thu NCC	Chi phí NCC	Lãi thuần NCC
AMAZON	850,000	156,931	693,069	-	-	-
IFM	15,550,000	1,412,379	14,137,621	3,350,000	1,500,000	1,850,000
KHACH LE	22,200,000	1,412,379	20,787,621	-	-	-
KSS	2,400,000	313,862	2,086,138	-	-	-
LGV	840,711,544.722	26,207,477	814,504,067.722	270,456,820.205	226,304,595	44,152,225.205
OHYEAH	5,900,000	941,586	4,958,414	-	-	-
OOCL	14,560,000	1,569,310	12,990,690	-	-	-
TRAM DAKLAK	15,000,000	156,931	14,843,069	-	-	-
VIETLOGIVAN	1,600,000	156,931	1,443,069	-	-	-
VINAFCO	19,000,000	156,931	18,843,069	-	-	-
VINSTRAN	38,080,958	4,864,861	33,216,097	-	-	-

Doanh thu



Lãi thuần



C5. TỐI ƯU TUYẾN GIAO HÀNG

CÁC NHÓM TỐI ƯU

Phân phối

- Thuật toán Optimization

Chỉ định

- Chỉ định địa điểm giao theo nhân viên.

1. AUTO ALLOCATION ĐƠN PHÂN PHỐI, 1 XE NHIỀU ĐƠN / NGÀY

Hiệu quả

- Giảm 90% thời gian điều phối: Tốn 15-30 phút chỉ với 1,2 nhân viên điều phối cho 3000 đơn hàng.
- Làm đầu vào cho các phiếu Master Pick trong WMS.



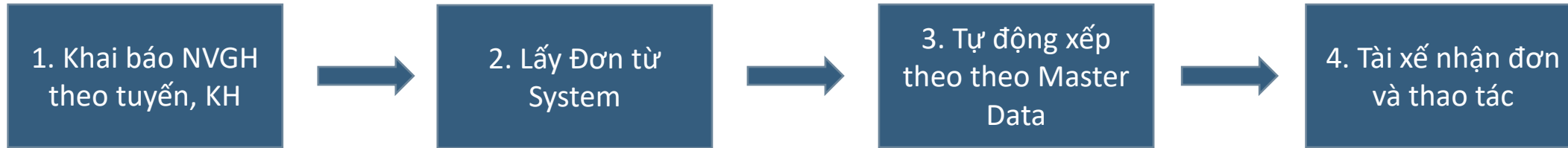
Tham số đầu vào cho thuật toán tối ưu

- Tuyến giao hàng
- Độ khó điểm giao
- Thông số xe: GW, CBM tối đa
- Thông số đơn hàng: GW, CBM
- Thời gian ưu tiên giao hàng
- Tọa độ điểm giao

Trip	Số Lượng	GW	Điểm	Ưu Tiên	CBM	SL Đơn	SL Phường	SL Quận	MT Lớn	GT	CVS
BM100	1917	740.65	23		1.34394	29	16	4			22
BM101	1425	574.94	21		1.66857	21	11	1			21
BM102	1595	1133.516	26		1.34821	28	11	2		2	21
BM103	2060	610.33	18		2.78488	21	11	2			18
BM104	2346	708.54	22		2.90005	31	13	3			22
BM105	2545	1081.4	20		3.15764	25	11	2			20
BM106	4040	2012.37	28		5.19035	31	14	4	2		26
BM107	2054	974	20		2.64336	20	10	2			20
BM108	1943	814.745	20		2.03389	24	10	2			20
BM109	2132	1044.95	20		2.83356	21	11	2			20
BM110	3350	420.24	15		2.38106	15	9	3			15
BM111	1091	1229.45	15		1.03348	17	10	5			15

2. CHỈ ĐỊNH GIAO HÀNG

- Thuật toán phù hợp với các công ty có NVGH kiêm chăm sóc khách hàng một số tuyến cố định.





C6. TRACK AND TRACE

NỘI DUNG TRACK AND TRACE

TKELog TMS cung cấp một bộ công cụ Track & Trace hiệu quả cho DC, với các yêu cầu

Đơn hàng

- Đơn hàng đang giao đến đâu.
- Tọa độ xe

Sự cố

- Tài xế dừng quá lâu ở điểm lạ.
- Tài xế quên giao hàng.
- Đổi tài

GPS

- Mất tín hiệu GPS

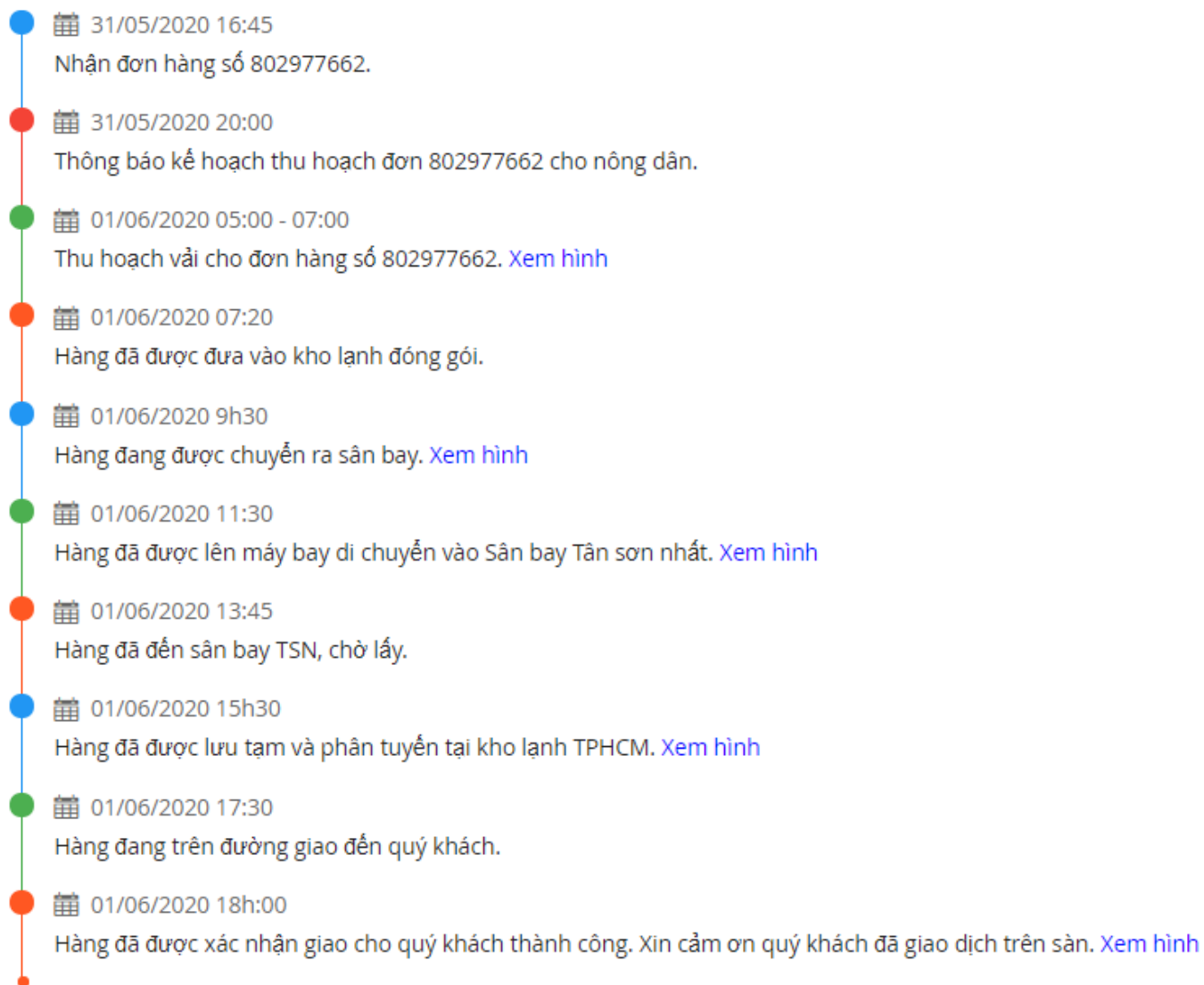
Khách hàng

- Thông báo cho khách hàng khi xe gần đến.
- Thông báo cho khách hàng khi xe gặp sự cố trễ đơn

1. HÀNH TRÌNH ĐƠN HÀNG

- Tất cả các thao tác, tài xế đều được gửi về trung tâm điều khiển.
- Các thông tin từ ERP, DMS, WMS, TMS được trao đổi liên mạch để tra cứu được một hành trình đơn hàng đầy đủ.
- Cung cấp cổng thông tin cho khách hàng tra cứu, giảm chi phí, thời gian giao tiếp giữa hai bên.

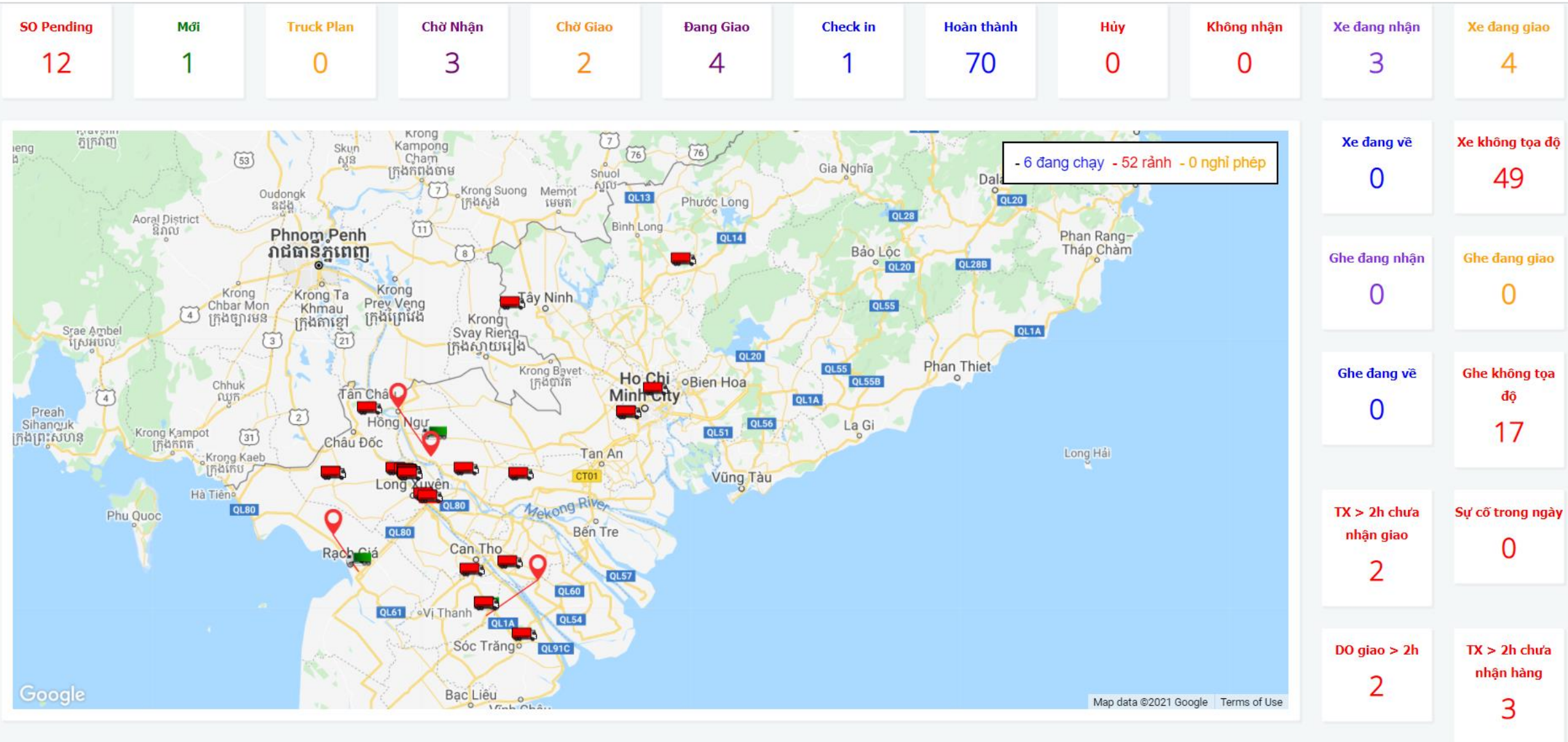
Hành trình đơn hàng



2. MAIL NHẮC

ID	Time	Job Type	Key No	Title	Status	Note	
	M/d/yyyy						
151822655	04/11/2024 23:52	Email lost GPS signal	2400001113		Successfully		
151822654	04/11/2024 23:52	Email lost GPS signal	2400001874		Successfully		
151822653	04/11/2024 23:52	Email lost GPS signal	2400005440		Successfully		
151822652	04/11/2024 23:52	Email lost GPS signal	2400005435		Successfully		
151822651	04/11/2024 23:52	Email lost GPS signal	2400001815		Successfully		
ID	Time	Job Type	Key No	Title	Status	Note	
	M/d/yyyy	eDP					
143784248	03/07/2024 23:18	Email eDP	1400011799	Send e-DP	Successfully	Customer is not exist.	
143767204	03/07/2024 21:48	Email eDP	1400011757	Send e-DP	Successfully	Customer is not exist.	
143724111	03/07/2024 17:38	Email eDP	1400011761	Send e-DP	Successfully		
143693051	03/07/2024 14:43	Email eDP	1400011742	Send e-DP	Successfully		
143669955	03/07/2024 12:46	Email eDP	1400011743	Send e-DP	Successfully		

3. DASHBOARD TRA CỨU XE, ĐƠN HÀNG

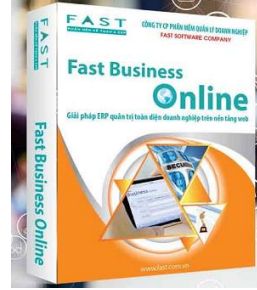




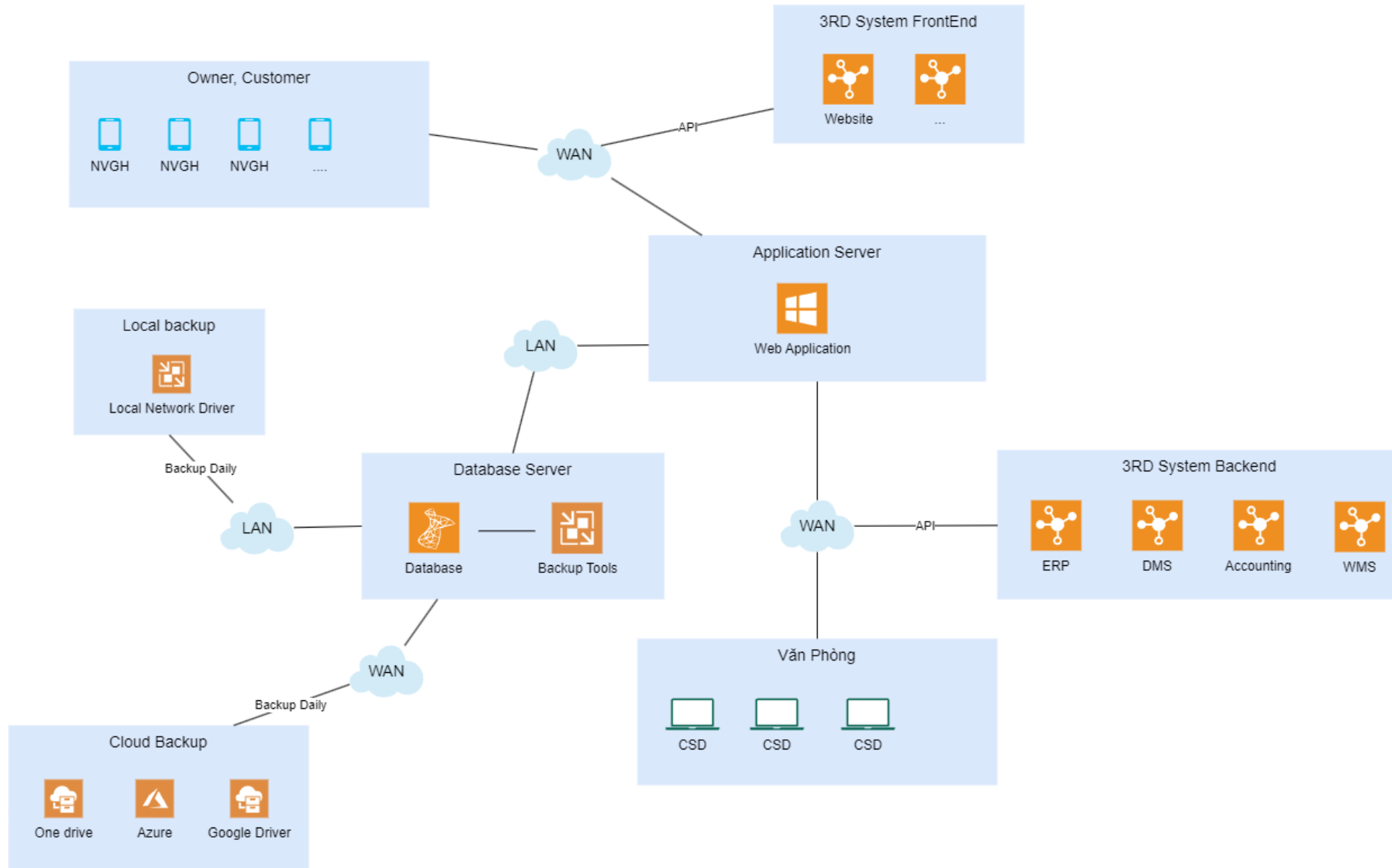
D. HẠ TẦNG, TÍCH HỢP, SLA

1. TÍCH HỢP

TKSolution có kinh nghiệm tích hợp hơn 20 dự án, với nhiều khách hàng lớn, tập đoàn như Long Son Chemical, Lộc Trời, Thiên Long, Daikin Việt Nam, Coop mart,...



2. MÔ HÌNH TRIỂN KHAI, HẠ TẦNG



Yêu cầu kỹ thuật, hạ tầng

STT	Tiêu đề	TKSolution
1	Kiến trúc triển khai	Monolith
2	Ngôn ngữ, nền tảng backend, webadmin	C# , .Net core, Blazor
3	Database	SQL Server
4	Mô hình triển khai	Agile
5	Yêu cầu SL giao dịch	50.000 đơn / ngày
6	Yêu cầu source code	Không
7	Hạ tầng vận hành cơ bản	1 hoặc 2 server
8	Hạ tầng vận hành High Availability	Cần 5 server - 2 server Application load balancing - 3 server database SQL để cài mirror.
9	Ngôn ngữ ứng dụng mobile	Xamari android native, Xamarin iOS native.

Các thành phần ứng dụng

STT	Tên thành phần	Mô tả
1	Web Application	Quản lý, vận hành tất cả nghiệp vụ điều phối, vận tải, dashboard trên môi trường web
2	Driver App: Android, iOS	Ứng dụng dành cho tài xế, giao hàng thao tác các tác vụ liên quan: Nhận hàng, check in, chụp hình, ký e-DP,...

3. SLA



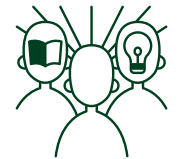
Cam kết không phát sinh chi phí



Cam kết bảo mật thông tin



Hỗ trợ khách hàng 16/7



Trình độ chuyên môn cao

KHẢ NĂNG HỖ TRỢ KỸ THUẬT		
Đáp ứng trong ngày, 16/7		Miễn phí
Chuyên gia trong nước		Miễn phí
Sửa lỗi online	Trong 1 giờ	Miễn phí
Sửa lỗi offline (xuống khách hàng sửa) nếu sửa online không đáp ứng được	Trong 24h	Miễn phí
Lỗi trong thời gian triển khai, bảo hành, bảo trì		Miễn phí
Hotline hỗ trợ trong giờ hành chính		Miễn phí
Hotline hỗ trợ 16/7		Miễn phí
KHẢ NĂNG ĐÁP ỨNG HỖ TRỢ SỬA CHƯƠNG TRÌNH		
Thêm 1 tính năng mới	3 - 5 ngày	Miễn phí
Sửa 1 tính năng có sẵn	3 - 5 ngày	Miễn phí
Sửa lỗi phát sinh	Trong 1 giờ	Miễn phí
Thêm, sửa 1 tính năng tức thời (ưu tiên cao nhất, muốn có liền trong ngày)	Trong 24 giờ	5tr/tính năng
CẬP NHẬT PHẦN MỀM		
Cập nhật version mới định kỳ	1 tháng/lần	Miễn phí
BACKUP DỮ LIỆU		
Backup chuẩn 3 nơi: Server, Cloud Server, Azure	2h sáng/ngày	Miễn phí



Thank You

Phạm Văn Tiên



0909 22 10 13



tienpv@tks.com.vn



www.tks.com.vn

